

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LÊ THÁNH TÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	29	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	29	
2	Phòng học bán kiên cố	/	
3	Phòng học tạm	/	
4	Phòng học nhờ	/	
5	Số phòng học bộ môn	07	01 phòng / 1 môn.
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	
7	Bình quân lớp/phòng học	0.763	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6084.4m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3630.89 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	10738m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1392m ²	59m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	516m ²	96m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	96m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	/	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	1453m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		

STT	Nội dung		Số lượng	Bình quân
1	Khối lớp 10		116	
2	Khối lớp 11		113	
3	Khối lớp 12		78	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		/	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		81	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		11	0,289
2	Cát xét		10	0,263
3	Đầu Video/đầu đĩa		/	/
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		4	0.105
5	Bảng tương tác		2	
..				
	Nội dung	Số lượng (m ²)		
X	Nhà bếp	-		
XI	Nhà ăn	-		

STT	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	812	406	2 m ²
XIII	Khu nội trú	-	-	-

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	36	17/19	262	0.2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-

*(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)*

STT	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 7, ngày 01 tháng 9 năm 2020

Hiệu trưởng

Đã ký

PHAN HƯỜNG